

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1657/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia
“Nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia “Nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030” (sau đây viết tắt là Chương trình) với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Nghiên cứu làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin sử dụng cho người (sau đây viết tắt là vắc xin); nâng cao trình độ, năng lực của các tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất vắc xin trong nước, sẵn sàng đối phó với dịch bệnh mới phát sinh.

2. Phấn đấu 100% vắc xin trong nước đạt tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm cho Chương trình tiêm chủng mở rộng và một số vắc xin khác; từng bước đưa vắc xin Việt Nam tham gia thị trường quốc tế.

3. Đến năm 2025, làm chủ công nghệ sản xuất 10 loại vắc xin và sản xuất được tối thiểu 03 loại vắc xin; đến năm 2030, làm chủ được công nghệ sản xuất 15 loại vắc xin và sản xuất được tối thiểu 05 loại vắc xin.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách và rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật thúc đẩy nghiên cứu, thử nghiệm, cấp phép sử dụng vắc xin sản xuất trong nước. Đặc biệt, nghiên cứu xây dựng chính sách riêng đáp ứng yêu cầu linh hoạt trong ứng phó xử lý vắc xin đại dịch.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ truyền thống, ưu tiên công nghệ mRNA, công nghệ protein tái tổ hợp, công nghệ vector vi rút v.v... phục vụ sản xuất vắc xin Covid-19, vắc xin ung thư, vắc xin phối hợp nhiều thành phần và các vắc xin khác đáp ứng nhu cầu phòng, chống dịch bệnh.

a) Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin.

b) Nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến phục vụ nghiên cứu sản xuất vắc xin và giải mã, làm chủ, cải tiến công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

c) Hợp tác nghiên cứu, tăng cường trao đổi thông tin với chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ ngoài nước có uy tín nhằm giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ trong nước; hình thành các nhóm nghiên cứu đủ năng lực tiếp thu, làm chủ, hoàn thiện và sáng tạo công nghệ phục vụ mục tiêu sản xuất vắc xin.

d) Ưu tiên đầu tư mua quyền sở hữu, quyền sử dụng và bí quyết công nghệ; thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm vắc xin.

3. Hỗ trợ nâng cao tiềm lực nghiên cứu sản xuất vắc xin.

a) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực nghiên cứu, nhân lực kỹ thuật đủ năng lực ứng dụng, làm chủ công nghệ thông qua quá trình triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình; thu hút sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và của các nước phát triển để đào tạo nhân lực cho các hoạt động phát triển vắc xin.

b) Nâng cấp, đầu tư mới một số trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu, đo kiểm, thử nghiệm sản phẩm thông qua các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

c) Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế về nghiên cứu sản xuất vắc xin.

4. Thực hiện cơ chế đặc thù hỗ trợ nghiên cứu sản xuất vắc xin.

a) Tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất vắc xin được hưởng chính sách ưu đãi như sản phẩm quốc gia, sản phẩm công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và công nghệ được khuyến khích chuyển giao.

b) Đối với vắc xin phòng chống đại dịch được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí dành cho nghiên cứu, thử nghiệm lâm sàng, sản xuất thử nghiệm, kiểm định, mua bảo hiểm và hỗ trợ kinh phí cho người tình nguyện.

c) Tiếp tục xem xét hỗ trợ trong Chương trình này các vắc xin đã được phê duyệt trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia và các vắc xin dự kiến triển khai trong các đề án của ngành Y tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

- a) Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình;
- b) Vốn của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình;
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu sản xuất vắc xin có phương án huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, bảo đảm tính khả thi tuân thủ quy định pháp luật.

3. Quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

4. Việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc Chương trình thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm Chương trình giúp tư vấn triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình.

c) Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025, tổng kết Chương trình vào năm 2030, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Chủ trì tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về vắc xin theo quy định pháp luật.

đ) Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, các quy định pháp luật thúc đẩy nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người.

e) Tổng hợp dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ cấp bộ, ngành được triển khai ở các bộ, ngành gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối, bố trí vào kế hoạch hằng năm.

2. Bộ Y tế

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, thử nghiệm lâm sàng, kiểm định, cấp phép sử dụng vắc xin là sản phẩm của Chương trình.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, các quy định pháp luật để ưu tiên sử dụng vắc xin là sản phẩm của Chương trình, từng bước đưa vắc xin sản xuất trong nước vào danh mục được bảo hiểm y tế thanh toán; hỗ trợ nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng và cấp phép sử dụng và sản xuất vắc xin trong nước, đặc biệt là vắc xin phòng chống đại dịch.

c) Thực hiện công tác truyền thông về vắc xin là sản phẩm của Chương trình.

d) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về vắc xin theo quy định pháp luật.

3. Bộ Tài chính

Ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định pháp luật.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý hoạt động đầu thầu, tạo cơ chế thông thoáng, kịp thời hỗ trợ phát triển sản phẩm vắc xin phòng bệnh cho người, đặc biệt là vắc xin phòng chống đại dịch.

5. Bộ Công Thương

Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho nghiên cứu sản xuất vắc xin; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu sản xuất vắc xin xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường vắc xin.

6. Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức khoa học và công nghệ

Đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

7. Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng và triển khai các giải pháp, chính sách liên quan đến nghiên cứu sản xuất, thử nghiệm lâm sàng, xúc tiến thương mại, triển khai sử dụng vắc xin sản xuất trong nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các vụ, cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).vt.gđ



Vũ Đức Đam